TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2018/HNGĐ-ST Ngày 18-7-2018. V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Triệu Thị Thuỷ Hoàn
Ông Trương Xuân Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*** Không

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên toà số 33/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 28/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Bàn Văn L, vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Lục Yên, Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2015 theo sự sắp đặt của hai bên gia đình và anh chị đã tự nguyện đến UBND xã Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau. Nay chị T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con tên là Bàn Thị Kim T, sinh ngày 09/02/2013. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Bàn Văn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án

đã lập biên bản về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã hoàn thiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền về lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bàn Văn L được đợ gia đình sắp đặt và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn chị T và anh L sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh L là có căn cứ.

[5] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*"

[6] Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bàn Văn L đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chị T xin ly hôn anh L là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[7] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bàn Văn L có 01 con chung tên là Bàn Thị Kim T, sinh ngày 09/02/2013. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UB-TVQH-14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là đúng pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; Các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bàn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị Kim T, sinh ngày 09/02/2013 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn Lkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000952, ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, chị T, anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnhYên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Ninh